TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/DS-ST
Ngày: 07-9-2022.
V/v "TrA chấp về hợp đồng dịch vụ (bơm tưới)".

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Ông **Phan Quốc Tiến**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hồ Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 07/9/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2022/TLST-DS, ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc *"TrA chấp về hợp đồng dịch vụ (bơm tưới)"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2022/QĐXXST-DS ngày 21/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 214/2022/QĐST-DS ngày 15/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G**;

Đại diện theo pháp luật là ông Trần Minh V– Chức dA: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc.

Ông Trần Minh V ủy quyền cho A **Thái Minh T**, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp M, xã G, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Bùi Văn T**, sinh năm 1938;

Địa chỉ: ấp B, xã Mỹ T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Lê Kim Ư, sinh năm 1949;

Võ Thị Bé E, sinh năm 1980;

Bùi Ngọc Lan A, sinh năm 2002;

Bùi Quốc A, sinh năm 2006;

Đại diện theo pháp luật của cháu Quốc A là bà Võ Thị Bé E, sinh năm 1980 (mẹ ruột);

Cùng địa chỉ: ấp B, xã Mỹ T, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh T có mặt; ông T, bà Ư, bà Bé E và chị Lan A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G (Hợp tác xã) ủy quyền cho anh Thái Minh T trình bày: Hộ ông của Bùi Văn T gồm ông Bùi Văn T, bà Lê Kim Ư, ông Bùi Minh C (chết năm 2020), bà Võ Thị Bé E, chị Bùi Ngọc Lan A và cháu Bùi Quốc A. Hàng thừa kế thứ nhất của ông C gồm ông Bùi Văn T (Cha), bà Lê Kim Ư (mẹ), bà Võ Thị Bé E (vợ), chị Bùi Ngọc Lan A và cháu Bùi Quốc A (con) có sản xuất lúa trong ô đê bao ấp 1, do Hợp tác xã bơm tưới với diện tích 38.500m^2, nhưng đến nay hộ ông T không nộp tiền công bơm tưới từ năm 2014 đến năm 2019 với số tiền 49.000.000đồng, đã nhiều lần Hợp tác xã yêu cầu hộ ông T trả số tiền trên nhưng hộ ông T không trả. Nay Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G yêu cầu ông Bùi Văn T, bà Lê Kim Ư, bà Võ Thị Bé E, chị Bùi Ngọc Lan A và cháu Bùi Quốc A có nghĩa vụ liên đới trả số tiền bơm tưới 49.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là Hợp tác xã chỉ yêu cầu ông Bùi Văn T, bà Lê Kim Ư, bà Võ Thị Bé E và chị Bùi Ngọc Lan A có nghĩa vụ liên đới trả số tiền bơm tưới 49.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi; không yêu cầu cháu Bùi Quốc A có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên. Ngoài ra, Hợp tác xã không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

2. Đối với bị đơn là ông Bùi Văn T đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

3. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Kim Ư trong quá trình giải quyết vụ án (tại buổi hòa giải bà Ư có mặt trình bày ý kiến nhưng không đồng ý ký tên vào biên bản hòa giải) trình bày: Bà là vợ của ông Bùi Văn T, mẹ của ông Bùi Minh C (chết năm 2020), phần đất hiện nay Hợp tác xã khởi kiện yêu cầu hộ ông T trả tiền bơm tưới 49.000.000 đồng, ông T đã cho ông Bùi Minh C canh tác, sử dụng trên 20 năm nhưng hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn do ông Bùi Văn T đứng tên. Nay bà không đồng ý trả tiền bơm tưới theo yêu cầu của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G.

Bà Võ Thị Bé E trình bày: Bà là vợ của ông Bùi Minh C, con dâu của ông Bùi Văn T, bà thừa nhận phần đất bà cA tác có nằm trong ô đê bao của Hợp tác xã. Hiện nay ông C đã chết vào năm 2020, nay Hợp tác xã yêu cầu trả số tiền bơm tưới 49.000.000 đồng, thì bà không đồng ý.

Còn đối với chị Bùi Ngọc Lan A đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp:

+ Quyết định số 847/QĐ-UB ngày 07 tháng 06 năm 2022 của UBND huyện Cao Lãnh (Bản photo);

+ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (bản photo);

+ Xác nhận số 599/CAX ngày 03/6/2022 (bản photo).

+ Đơn xác nhận ngày 27/7/2022 (bản chính).

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp tài liệu, chứng nào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G (Hợp tác xã) về việc yêu cầu ông Bùi Văn T, bà Lê Kim Ư, bà Võ Thị Bé E và chị Bùi Ngọc Lan A có nghĩa vụ liên đới trả số tiền bơm tưới còn nợ là 49.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trA chấp giữa các đương sự là *"Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ (bơm tưới)"* theo quy định tại Điều 513 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ (bơm tưới) giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; nơi thực hiện hợp đồng dịch vụ (bơm tưới) tại xã G, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, xét thấy: Các đương sự đều không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[4] Về tố tụng, xét thấy: Bị đơn là ông Bùi Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Kim Ư, bà Võ Thị Bé E và chị Bùi Ngọc Lan A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì Hợp tác xã không tranh chấp số tiền nào khác, chỉ liên quan đến các đương sự có tên trên,

không liên quan đến đương sự nào khác nữa và hàng thừa kế thứ nhất của Bùi Minh C chỉ có ông ông Bùi Văn T (Cha), bà Lê Kim Ư (mẹ), bà Võ Thị Bé E (vợ), chị Bùi Ngọc Lan A và cháu Bùi Quốc A (con), ngoài ra không còn ai nữa. Hiện nay phần đất mà Hợp tác xã đang yêu cầu hộ ông T trả số tiền bơm tưới còn nợ 49.000.000đồng đang do ông T đứng tên quyền sử dụng đất.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G (Hợp tác xã) về việc yêu cầu bị đơn là ông Bùi Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Kim Ư, bà Võ Thị Bé E, chị Bùi Ngọc Lan A và cháu Bùi Quốc A có nghĩa vụ liên đới trả số tiền bơm tưới còn nợ là 49.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là Hợp tác xã chỉ yêu cầu ông Bùi Văn T, bà Lê Kim Ư, bà Võ Thị Bé E và chị Bùi Ngọc Lan A có nghĩa vụ liên đới trả số tiền bơm tưới 49.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi; không yêu cầu cháu Bùi Quốc A có nghĩa vụ liên đới trả số tiền trên. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G (Hợp tác xã) về việc yêu cầu bị đơn là ông Bùi Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Kim Ư, bà Võ Thị Bé E và chị Bùi Ngọc Lan A có nghĩa vụ liên đới trả số tiền bơm tưới còn nợ là 49.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi là hoàn toàn có căn cứ, bởi lẽ: Tại đơn xác nhận ngày 27/7/2022, có xác nhận của Trưởng ấp và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã G thì hộ ông Bùi Văn T có cA tác diện tích đất lúa 38.500m^2 trong ô đê bao do Hợp tác xã bơm tưới và còn nợ số tiền bơm tưới là 49.000.000đồng (9.800kg x 5.000đ). Việc xác nhận này cũng phù hợp với lời trình bày của bà Ư và bà Bé E tại buổi hòa giải là phần đất mà Hợp tác xã đang yêu cầu hộ ông T trả số tiền bơm tưới 49.000.000đồng nằm trong ô đê bao của Hợp tác xã bơm tưới và hiện nay phần đất này (38.500m^2) đang do ông T đứng tên quyền sử dụng đất. Đồng thời, phù hợp với xác nhận ngày 03/6/2022 của Công an xã Mỹ T, thành phố Cao Lãnh trong hộ ông T gồm có ông Bùi Văn T, bà Lê Kim Ư, bà Võ Thị Bé E, chị Bùi Ngọc Lan A và cháu Bùi Quốc A. Mặt khác, do ông Bùi Minh C (con ông T, bà Ư, chồng bà Bé E, cha của chị Lan A và cháu Quốc A) có cA tác phần đất này từ trước cho đến năm 2020 (năm ông C chết) nên hàng thừa kế thứ nhất của ông C phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền bơm tưới còn nợ nói trên theo quy định tại Điều 615 của Bộ luật dân sự. Do đó, Việc Hợp tác xã yêu cầu ông Bùi Văn T, bà Lê Kim Ư, bà Võ Thị Bé E và chị Bùi Ngọc Lan A có nghĩa vụ liên đới trả số tiền bơm tưới còn nợ là 49.000.000đồng cho Hợp tác xã là có căn cứ nên chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì Hợp tác xã không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G về việc yêu cầu ông Bùi Văn T, bà Lê Kim Ư, bà Võ Thị Bé E và chị Bùi Ngọc Lan A có nghĩa vụ liên đới trả số tiền bơm tưới còn nợ là 49.000.000đồng cho Hợp tác xã nên ông T, bà Ư, bà Bé E và chị Lan A phải liên đới chịu 2.450.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.230.000đồng theo biên lai số 0007392 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 103, 429, 513, 515, 519, 614 và 615 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, 184, 227 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G.

- Buộc ông Bùi Văn T, bà Lê Kim Ư, bà Võ Thị Bé E và chị Bùi Ngọc Lan A có nghĩa vụ liên đới trả cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G số tiền 49.000.000đồng (Bốn mươi chín triệu đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Ông Bùi Văn T, bà Lê Kim Ư, bà Võ Thị Bé E và chị Bùi Ngọc Lan A phải liên đới chịu 2.450.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 1 G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.230.000đồng theo biên lai số 0007392 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

Đã ký

Trịnh Hữu Chinh